

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là *Quyết định số 89/QĐ-TTg*); UBND tỉnh Đắk Nông xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo đúng quan điểm tại Quyết định số 89/QĐ-TTg. Hoàn thiện hệ thống y tế, bảo đảm thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân tỉnh Đắk Nông.

b) Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế, bảo đảm tính bền vững, hiệu quả đầu tư trong quá trình thực thi, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực y tế - dân số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm triển khai đầy đủ, cụ thể những nội dung cơ bản của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đưa các chỉ tiêu Kế hoạch này lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện phải phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện về nguồn lực đầu tư và nhu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe của người dân; bảo đảm kinh phí, có cơ chế chính sách huy động nguồn lực, lồng ghép các hoạt động với các kế hoạch về y tế - dân số khác của tỉnh để triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch.

c) Các Sở, Ban, ngành, địa phương, tổ chức, đơn vị phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Đắk Nông theo định hướng phát triển, đồng bộ và hiệu quả; bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng; được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, đặc biệt là dịch bệnh truyền nhiễm thường xuyên lưu hành tại địa phương và các bệnh dịch mới xuất hiện; bảo đảm an ninh y tế, ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng. Từng bước kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích và nâng cao sức khỏe người dân.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu vững mạnh; thu hẹp khoảng cách về bệnh tật, tử vong giữa các vùng, các nhóm dân tộc. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công - tư trong cung ứng dịch vụ y tế.

c) Tiếp tục thực hiện xu hướng giảm sinh, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; thích ứng với già hóa dân số; phân bổ dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng ưu tiên.

d) Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu; đặc biệt nhân lực cho y tế cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các khu vực khó khăn; tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên; chú trọng nâng cao kỹ năng giao tiếp, tinh thần thái độ phục vụ người bệnh của nhân viên y tế.

đ) Chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh tật, nghiên cứu và phát triển ngành dược, phát triển cây dược liệu phù hợp với tình hình của địa phương; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn y tế.

e) Bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng với giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân; kiểm soát An toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

g) Tăng tỷ trọng chi tiêu công cho y tế, nâng cao hiệu quả trong sử dụng ngân sách và các nguồn lực cho y tế; hướng đến đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Ưu tiên ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

h) Nâng cao năng lực quản trị hệ thống y tế theo hướng hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, hiện đại, hội nhập.

(Chỉ tiêu y tế đến năm 2030 theo Phụ lục đính kèm)

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Hệ thống y tế phát triển hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của Nhân dân, đạt bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, huy động sự tham gia của toàn xã hội thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân

a) Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân là một nội dung quan trọng trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể hóa thành những mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản; hằng năm, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, coi đó là một tiêu chuẩn quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

b) Nâng cao trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, cơ quan, đoàn thể; đồng thời huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng, cá nhân trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Nâng cao sức khỏe Nhân dân

a) Đẩy mạnh thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam; phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe Nhân dân; Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Chiến lược Quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030. Đa dạng hóa nội dung và đổi mới hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong tự chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe.

b) Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, dân tộc.

c) Duy trì các hoạt động cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, giảm tỷ lệ trẻ em khuyết tật, ưu tiên các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực khó khăn nhằm giảm sự khác biệt về các chỉ tiêu sức khỏe, dinh dưỡng, tử vong mẹ, tử vong trẻ em giữa các địa phương.

d) Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, thống nhất đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ tỉnh đến huyện, xã. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá

nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Nâng cao năng lực phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm.

đ) Triển khai chăm sóc dài hạn, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người lao động, người cao tuổi, người khuyết tật, phòng, chống bệnh nghề nghiệp tai nạn thương tích tại cộng đồng; tăng cường công tác y tế học đường. Thực hiện hiệu quả Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030, Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025, Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo.

e) Phòng, chống tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hóa chất và chất thải độc hại đến sức khỏe con người. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi nhằm tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia và nhà tiêu hợp vệ sinh, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn.

3. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới, nâng cao năng lực y tế cơ sở

a) Tăng cường đầu tư cho mạng lưới y tế dự phòng, năng lực xét nghiệm, kiểm nghiệm. Bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng.

b) Tăng phân bổ nguồn lực cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét để thực hiện mục tiêu cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030.

c) Tăng cường quản lý các bệnh không lây nhiễm, kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh. Chú trọng sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật; phấn đấu đến năm 2030, người có nguy cơ cao mắc bệnh được kiểm tra sức khỏe ít nhất mỗi năm một lần, hướng tới kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn dân.

d) Triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới với quan điểm y tế cơ sở là nền tảng, phát triển bền vững hệ thống y tế cơ sở, xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp, gần dân.

đ) Đẩy mạnh quản lý và điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở; thực hiện quản lý sức khỏe người dân tại gia đình và cộng đồng. Phát triển mô hình bác sĩ gia đình, thiết lập hệ thống chuyển tuyến chuyên môn linh hoạt.

e) Thống nhất mô hình tổ chức, quản lý đối với Trung tâm Y tế cấp huyện theo hướng chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế phải phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận của người dân. Các địa phương có mật độ dân cư cao có thể sắp xếp Trạm Y tế theo quy mô dân số, không nhất thiết theo địa

giới hành chính. Các khu công nghiệp căn cứ quy mô lao động, điều kiện thực tiễn và nhu cầu để thành lập cơ sở y tế phù hợp.

4. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và sự hài lòng của người bệnh

a) Nâng cao khả năng và tạo sự công bằng trong tiếp cận dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng có chất lượng theo phân tuyến, giảm sự khác biệt giữa các địa phương; từng bước thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, đặc biệt với những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, đối tượng chính sách, nhóm người có nguy cơ cao. Phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân và phù hợp với mô hình bệnh tật tại địa phương.

b) Hoàn thiện phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị y học hiện đại, y học cổ truyền; hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý, chống kháng thuốc. Từng bước hướng đến đánh giá, thực hiện kiểm định độc lập chất lượng bệnh.

c) Đảm bảo sự kết nối, tương tác hiệu quả giữa các cấp độ chăm sóc, giữa khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao năng lực cấp cứu ngoại viện và chất lượng chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Nâng cao năng lực của mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh trong chuẩn bị và ứng phó hiệu quả với dịch bệnh, đặc biệt là hội sức tích cực, đồng thời đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hằng ngày cho người bệnh.

đ) Tập trung mở rộng hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa để người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế chất lượng ngay tại y tế cơ sở. Tăng cường chỉ đạo, chuyên gia kỹ thuật chuyên môn trong trường hợp vượt quá khả năng điều trị tại chỗ. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về giảm quá tải bệnh viện tuyến trên.

e) Thực hiện công khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh giữa các bệnh viện, hạn chế tình trạng cung ứng các dịch vụ y tế quá mức cần thiết. Phát triển danh mục kỹ thuật, bảo đảm sự sẵn có của dịch vụ y tế cung cấp cho người bệnh.

g) Phát huy lợi thế và kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại; kết hợp quân dân y. Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030. Gắn phát triển dược liệu với phát triển kinh tế - xã hội.

h) Cung cấp dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu của người lao động tại các khu công nghiệp. Chú trọng liên kết với ngành du lịch để hình thành sản phẩm du lịch kết hợp với chăm sóc y tế, phát triển cây dược liệu gắn liền với đặc trưng vùng miền, lịch sử, văn hóa, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, góp phần thúc đẩy sự gắn kết sản phẩm y tế trong hoạt động du lịch và phát triển kinh tế - xã hội.

5. Công tác dân số và phát triển

a) Thực hiện hiệu quả Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 để đạt mục tiêu thực hiện xu hướng giảm sinh; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; thích ứng với già hóa dân số; quy mô, cơ cấu, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

b) Có chính sách và biện pháp phù hợp để người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản, nhất là trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư.... Tiếp tục phát triển mạnh mạng lưới các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

6. Phát triển nhân lực y tế

a) Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là nhân lực cho y tế cơ sở.

b) Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng, cơ cấu phù hợp và chất lượng phù hợp theo tuyến chuyên môn, từng chuyên khoa, đặc biệt một số chuyên khoa khó tuyển như lao, phong, tâm thần, pháp y, giải phẫu bệnh, hồi sức cấp cứu, truyền nhiễm, y học cổ truyền... Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả việc luân phiên, luân chuyển, điều động nhân lực y tế để hỗ trợ thường xuyên cho y tế cơ sở.

c) Từng bước bảo đảm nhân lực y tế đạt các chuẩn năng lực nghề nghiệp theo quy định.

d) Bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách thu hút, đãi ngộ xứng đáng đối với yêu cầu nhiệm vụ và đặc thù công việc của nhân viên y tế. Tiếp tục thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi làm việc, gắn bó lâu dài tại y tế cơ sở, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong, y học cổ truyền.

7. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

a) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong phòng bệnh, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh đặc biệt nguy hiểm; dịch bệnh mới phát sinh; nghiên cứu thích ứng với quá trình già hóa dân số.

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến.

8. Tăng cường quản lý thuốc, sinh phẩm, vật tư, thiết bị y tế

a) Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống thiên tai, thảm họa, sự cố y tế công cộng và các nhu cầu cấp bách khác.

b) Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực dược, thực phẩm, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế,... Công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính trong quản lý, cấp phép, mua sắm thuốc, thiết bị y tế.

c) Phát triển dược liệu và các sản phẩm từ nguồn dược liệu trong tỉnh thành lĩnh vực sản xuất hàng hóa có chất lượng và giá trị cao.

9. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Triển khai ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành Y tế, hình thành nền y tế thông minh với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám bệnh, chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh.

b) Triển khai đồng bộ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của ngành Y tế; lập, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân, bệnh án điện tử và kết nối các thông tin, dữ liệu quản lý khác như khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm.

c) Duy trì và củng cố việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các nhà thuốc, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá thuốc được mua vào, bán ra và việc bán thuốc theo đơn trên toàn quốc.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế để tăng cường sự tiếp cận của người dân đến các thông tin y tế.

10. Đổi mới tài chính y tế và bảo hiểm y tế

a) Huy động nguồn tài chính

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách Nhà nước; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Huy động các nguồn viện trợ, tài trợ, vay ưu đãi trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển hệ thống y tế. Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

- Tiếp tục hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo, người mắc các bệnh hiểm nghèo.

- Đẩy mạnh xã hội hóa; đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh lành mạnh để khuyến khích y tế tư nhân phát triển.

b) Phân bổ nguồn tài chính

- Ưu tiên phân bổ ngân sách Nhà nước để chi đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự phòng, y tế vùng khó khăn, nghiên cứu y học, lĩnh vực tâm thần, phong.

- Ưu tiên ngân sách cho chăm sóc sức khỏe người có công, người nghèo, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư, Nhân dân ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

- Đổi mới phương thức phân bổ ngân sách dựa trên kết quả hoạt động và điều kiện thực tiễn. Tăng cường kiểm soát, giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bảo đảm công khai, minh bạch, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người tham gia bảo hiểm y tế.

c) Chi trả dịch vụ y tế

- Triển khai thực hiện giá dịch vụ theo quy định.

- Thực hiện phương thức chi trả dịch vụ y tế từ chi trả theo phí dịch vụ sang kết hợp với các phương thức chi trả khác, bao gồm thanh toán theo định suất và theo nhóm chẩn đoán liên quan.

- Áp dụng phương thức Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho y tế cơ sở thực hiện các gói dịch vụ y tế cơ bản; chi trả theo hướng khuyến khích cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe dân cư tại cộng đồng.

11. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh

a) Triển khai có hiệu quả Chương trình kết hợp quân dân y chăm sóc sức khỏe Nhân dân đến năm 2030.

b) Thực hiện kết hợp quân - dân y xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên, lực lượng huy động ngành Y tế và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự; sẵn sàng đáp ứng y tế trong các tình huống quốc phòng và an ninh.

12. Tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và truyền thông cung cấp thông tin y tế

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan và hiệu quả công tác phối hợp liên ngành, đẩy mạnh các hành động đa ngành trong chăm sóc sức khỏe. Xây dựng các kế hoạch hành động liên ngành trong chăm sóc sức khỏe nói chung và đặc biệt trong chuẩn bị và ứng phó có hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, dịch bệnh.

b) Tăng cường hợp tác và hỗ trợ nguồn lực, đào tạo, kỹ thuật của các tổ chức quốc tế.

c) Triển khai công tác cung cấp thông tin y tế đồng bộ, minh bạch, chính xác, kịp thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí truyền thông sâu rộng về các nhiệm vụ trọng tâm, các thành tựu, kết quả hoạt động của công tác y tế, các tấm gương điển hình cán bộ nhân viên y tế, y đức, y nghiệp và truyền thống lịch sử ngành Y tế.

13. Tăng cường quản lý Nhà nước về y tế

a) Triển khai kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về lĩnh vực Y tế phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia và Quy hoạch Vùng Tây nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế công lập bảo đảm tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả; phát triển và tăng cường sự tham gia của y tế ngoài công lập trong cung ứng dịch vụ y tế công.

b) Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch. Áp dụng mô hình quản trị phù hợp đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

c) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao năng lực quản lý, quản trị của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Tăng cường trách nhiệm giải trình và công khai minh bạch, kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; thực hiện tốt công tác thi đua, khen

thường để kịp thời động viên công chức, viên chức, người lao động vượt khó, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, duy trì dịch vụ công cấp độ 4 trong các lĩnh vực y tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Chi đầu tư, chi thường xuyên, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước lĩnh vực Y tế - Dân số, chi từ các chương trình, dự án...; bảo hiểm y tế; vốn đầu tư doanh nghiệp, khu vực tư nhân, người dân, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng dự toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo giai đoạn và hằng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan để truyền thông, tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe và các nội dung tại Kế hoạch này.

- Tổ chức theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp các vấn đề khó khăn, vướng mắc, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và theo các quy định hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các công trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị y tế,... trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm bảo đảm theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan, nhằm phát triển hệ thống y tế địa phương, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

3. Sở Tài chính: Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn tỉnh tinh gọn, đồng

bộ, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, theo đúng quy định; thực hiện các chính sách liên quan đến nhân viên y tế.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan thực hiện chính sách an sinh xã hội, an toàn vệ sinh lao động, bảo đảm chính sách y tế cho các đối tượng chính sách, đối tượng trợ giúp xã hội, các nhóm dễ tổn thương (người nghèo, người cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội, người lao động,...); bảo đảm an toàn cho trẻ em, phòng, chống tai nạn thương tích.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành có liên quan kiện toàn hệ thống y tế trường học; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế trường học trong các cơ sở giáo dục; bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị y tế phục vụ công tác y tế trường học; triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên; truyền thông giáo dục các nội dung về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trong nhà trường.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan trong việc hướng dẫn và thực hiện các chính sách, giải pháp về: Kiểm soát, quan trắc và xử lý từ nguồn phát sinh đối với các chất ô nhiễm có tác động đến sức khỏe con người; quản lý, chia sẻ thông tin quan trắc về các chất ô nhiễm có tác động đến sức khỏe con người; thích ứng, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động về bảo đảm cung cấp nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt và tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực nông thôn, hướng dẫn xử lý và cấp nước quy mô hộ gia đình khu vực nông thôn và an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công, phân cấp quản lý.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học tỉnh Đắk Nông.

10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên và lực lượng huy động ngành Y tế trong tình trạng khẩn cấp. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương xây dựng kế hoạch tổng thể kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân và bộ đội, góp phần củng cố an ninh quốc phòng tại các khu vực vùng sâu, vùng xa.

11. Công an tỉnh: Phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn trong cơ sở y tế; ngăn chặn, đẩy lùi hành vi vi phạm trong lĩnh vực y tế.

12. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan bảo đảm cung cấp nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực đô thị, khu công

nghiệp và tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực đô thị.

13. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Y tế định hướng, cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở,... Tuyên truyền về các nội dung liên quan đến việc triển khai, kết quả thực hiện Kế hoạch “Thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

14. Các Sở, Ban, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và lồng ghép tổ chức triển khai thực hiện trong các chương trình, đề án, kế hoạch hằng năm, giai đoạn, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế).

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia các phong trào rèn luyện, nâng cao sức khỏe, phòng, chống dịch bệnh, chủ động chăm sóc sức khỏe của bản thân và cộng đồng; thực hiện giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tuyên truyền, phổ biến, đưa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn quản lý.

- Bảo đảm kinh phí và các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế và kinh phí hoạt động cho tuyến y tế cơ sở theo quy định.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và triển khai lồng ghép Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân tại địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, Ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, yêu cầu các Sở, ngành, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *Sik*

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX (S).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tauk
Tôn Thị Ngọc Hạnh

Phụ lục**CHỈ TIÊU Y TẾ CƠ BẢN ĐẾN NĂM 2030***(Kèm theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 15/01/2025 của UBND tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2030
	Chỉ số đầu vào		
1	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Người	11
2	Số dược sĩ trên 10.000 dân	Người	2,98
3	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	13,9
4	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	32
5	Chi ngân sách cho y tế dự phòng trên tổng chi ngân sách nhà nước cho y tế	%	>30
	Chỉ số hoạt động		
6	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	>95
7	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	%	95%
8	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát	%	70
9	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 04 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất	%	60
10	Tỷ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	100
	Chỉ số kết quả		
11	Mức độ bao phủ các dịch vụ y tế thiết yếu (thang điểm 100)	Điểm	70
12	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	>95
13	Tỷ lệ người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung	%	92
14	Tỷ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế	%	90
15	Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030.		
15.1	Số người nhiễm HIV được phát hiện mới đạt mức dưới 15 trường hợp/năm	Ca	14



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2030
15.2	Số ca mắc mới lao trên 100.000 dân	Ca	< 20
15.3	Tỷ lệ xã, phường được công nhận loại trừ Sốt rét	%	100
	Chỉ số tác động		
16	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Năm	73,5
17	Tổng tỉ suất sinh	Con/phụ nữ	2,1
18	Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống		21,6
19	Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống		26,8
20	Tỉ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống		<50
21	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	<25,9
22	Chiều cao trung bình của thanh niên 18 tuổi		
	Nam	cm	166,9
	Nữ	cm	156,9

